



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*  
*đã được soát xét*

## MỤC LỤC

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 3
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	4
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	5 – 33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000166 ngày 19 tháng 5 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trương Vạn Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Ông Lê Văn Tường	Ủy viên
Bà Chu Thị Hòa	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Chiến	Ủy viên

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Tường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thanh Hải**

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 10 tháng 8 năm 2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Bùi Thị Ngọc Lân

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.912.851.565</b>	<b>41.365.493.302</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>5.562.682.177</b>	<b>5.059.280.242</b>
1.	Tiền	111		5.562.682.177	5.059.280.242
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.077.898.184</b>	<b>9.532.613.520</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	5.925.669.296	5.998.056.650
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.040.371.906	120.577.061
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.026.417.470	4.469.364.697
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(914.560.488)	(1.055.384.888)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>24.934.506.311</b>	<b>26.541.993.531</b>
1.	Hàng tồn kho	141		25.777.686.608	27.376.629.148
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(843.180.297)	(834.635.617)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>337.764.893</b>	<b>231.606.009</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	159.892.992	152.101.927
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		177.871.901	79.504.082
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.764.595.522</b>	<b>26.495.564.303</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.975.927.160</b>	<b>13.482.269.285</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	14.975.927.160	13.482.269.285
	- Nguyên giá	222		26.559.807.910	25.284.153.637
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.583.880.750)	(11.801.884.352)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>12.512.478.055</b>	<b>12.816.862.975</b>
1.	Nguyên giá	231		20.870.696.426	20.870.696.426
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8.358.218.371)	(8.053.833.451)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>276.190.307</b>	<b>196.432.043</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	276.190.307	196.432.043
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>69.677.447.087</b>	<b>67.861.057.605</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HÒA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.310.446.038</b>	<b>29.609.141.607</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.310.446.038</b>	<b>29.609.141.607</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	18.346.273.428	21.567.419.350
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		735.049.049	436.025.169
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.587.368.203	279.146.627
4.	Phải trả người lao động	314		304.264.309	552.320.986
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	-	13.636.364
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	325.857.757	476.227.607
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	10.220.251.900	5.535.302.100
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		791.381.392	749.063.404
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.367.001.049</b>	<b>38.251.915.998</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>37.367.001.049</b>	<b>38.251.915.998</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		7.600.948.010	7.288.394.010
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.928.073.039	3.125.541.988
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.928.073.039	3.125.541.988
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>69.677.447.087</b>	<b>67.861.057.605</b>

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

*lme*

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

*VL*

Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	162.997.513.141	173.128.279.094
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	34.490.910
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>162.997.513.141</b>	<b>173.093.788.184</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	153.565.616.087	164.363.798.402
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>9.431.897.054</b>	<b>8.729.989.782</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	393.373.700	175.988.003
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	372.399.930	418.438.682
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>372.399.930</i>	<i>418.438.682</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	5.772.014.317	5.662.201.558
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	1.792.423.077	1.987.989.162
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>1.888.433.430</b>	<b>837.348.383</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.076.303.378	1.693.643.942
12.	Chi phí khác	32	VI.07	554.450.786	624.125.413
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>521.852.592</b>	<b>1.069.518.529</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>2.410.286.022</b>	<b>1.906.866.912</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	482.212.983	381.413.391
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>1.928.073.039</b>	<b>1.525.453.521</b>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	664	523
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	664	523

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.410.286.022	1.906.866.912
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.238.425.409	989.306.112
-	Các khoản dự phòng	03		(132.279.720)	(32.882.318)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(512.773.707)	(111.555.003)
-	Chi phí lãi vay	06		372.399.930	418.438.682
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		3.376.057.934	3.170.174.385
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.502.828.083)	3.334.434.499
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.598.942.540	3.043.512.757
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.342.010.172)	(1.801.242.496)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(87.549.329)	133.271.248
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(372.399.930)	(418.438.682)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(219.086.168)	(218.987.251)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(70.670.000)	(152.700.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		380.456.792	7.090.024.460
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.427.698.364)	(1.963.524.891)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		375.454.546	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137.319.161	111.555.003
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.914.924.657)	(1.851.969.888)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		71.803.876.007	74.933.540.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(67.118.926.207)	(73.846.807.151)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.647.080.000)	(5.245.400.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.037.869.800</b>	<b>(4.158.667.151)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>503.401.935</b>	<b>1.079.387.421</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.059.280.242</b>	<b>7.872.017.665</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>5.562.682.177</b>	<b>8.951.405.086</b>

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

#### 02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

#### 03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

#### 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 1	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 3	Số 301 Trần Phú, P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại - Dịch vụ số 6	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

Tại ngày 30/6/2020, số nhân viên của Công ty là 71 người (tại ngày 01/01/2020 là 74 người).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

***Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	20 – 36 năm
-----------	-------------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu kinh doanh bất động sản***

Doanh thu kinh doanh bất động sản trong kỳ là doanh thu cho thuê văn phòng. Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ là chi phí lãi vay.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	5.562.682.177	5.059.280.242
+ Tiền mặt	1.700.854.651	749.616.815
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.861.827.526	4.309.663.427
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.562.682.177</b>	<b>5.059.280.242</b>

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>5.925.669.296</b>	<b>5.998.056.650</b>
- Đoàn an điều dưỡng 296 Sầm Sơn - Cục chính trị	-	829.424.000
- CN Kỹ thuật Viettel Thanh Hóa - TCT Cổ phần Công trình Viettel	356.031.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ G8	347.408.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.222.230.296	5.168.632.650
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.925.669.296</b>	<b>5.998.056.650</b>

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	171.225.000	-

**03. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.040.371.906</b>	<b>120.577.061</b>
- Công ty Cổ phần May Sông Hồng	-	88.036.747
- Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	995.853.814	-
- Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất	590.904.516	-
- Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai	393.106.150	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Vinh Phát	30.935.577	32.144.450
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	29.571.849	395.864
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.040.371.906</b>	<b>120.577.061</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.026.417.470</b>	<b>50.100.829</b>	<b>4.469.364.697</b>	<b>50.100.829</b>
- Tạm ứng	18.601.883	-	39.109.490	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu tiền thương mại	950.446.958	-	1.371.573.799	-
+ Công ty Cổ phần Điện lạnh Hòa Phát	727.854.236	-	396.571.799	-
+ Công ty Cổ phần Máy Sóng Hồng	50.097.091	-	50.000.000	-
+ Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	-	-	228.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Phích nước Rạng Đông	120.000.000	-	637.002.000	-
+ Công ty TNHH MTV TM Nhựa Vinh Phát	-	-	10.000.000	-
+ Công ty Cổ phần sứ Hải Dương	36.762.639	-	50.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	15.732.992	-	-	-
- Phải thu khác	57.368.629	50.100.829	58.681.408	50.100.829
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.026.417.470</b>	<b>50.100.829</b>	<b>4.469.364.697</b>	<b>50.100.829</b>

**05. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
				Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân</b>				
+ Công ty TNHH Toàn Thắng TDT	Trên 3 năm	331.690.000	Trên 3 năm	331.690.000
+ Công ty TNHH Quang Minh	Trên 3 năm	112.625.501	Trên 3 năm	112.625.501
+ Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1 - 2 năm	470.244.987	1 - 2 năm	700.940.987
	2 - 3 năm	-	2 - 3 năm	-
	Trên 3 năm	470.244.987	Trên 3 năm	572.552.987
<b>Cộng</b>		<b>914.560.488</b>		<b>1.145.256.488</b>
				<b>89.871.600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	25.777.686.608	(843.180.297)	27.376.629.148	(834.635.617)
<b>Cộng</b>	<b>25.777.686.608</b>	<b>(843.180.297)</b>	<b>27.376.629.148</b>	<b>(834.635.617)</b>

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>14.587.448.395</b>	<b>4.592.872.233</b>	<b>6.103.833.009</b>	<b>25.284.153.637</b>
- Mua trong kỳ	-	45.922.000	2.381.776.364	2.427.698.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.152.044.091)	(1.152.044.091)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.587.448.395</b>	<b>4.638.794.233</b>	<b>7.333.565.282</b>	<b>26.559.807.910</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.799.911.251</b>	<b>4.000.039.866</b>	<b>4.001.933.235</b>	<b>11.801.884.352</b>
- Khấu hao trong kỳ	516.510.606	322.308.822	95.221.061	934.040.489
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.152.044.091)	(1.152.044.091)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.316.421.857</b>	<b>4.322.348.688</b>	<b>2.945.110.205</b>	<b>11.583.880.750</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>10.787.537.144</b>	<b>592.832.367</b>	<b>2.101.899.774</b>	<b>13.482.269.285</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10.271.026.538</b>	<b>316.445.545</b>	<b>4.388.455.077</b>	<b>14.975.927.160</b>

Tại ngày 30/06/2020, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 5.881.711.813 đồng.

Tại ngày 30/06/2020, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 13.658.787.810 VND và 10.251.034.002 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
 Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư.**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>20.870.696.426</b>	-	-	<b>20.870.696.426</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>8.053.833.451</b>	<b>304.384.920</b>	-	<b>8.358.218.371</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.053.833.451	304.384.920	-	8.358.218.371
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>12.816.862.975</b>	-	<b>304.384.920</b>	<b>12.512.478.055</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	12.816.862.975	-	304.384.920	12.512.478.055

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Tại ngày 30/06/2020, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 VND và 9.910.993.819 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

**09. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>159.892.992</b>	<b>152.101.927</b>
- Chi phí bảo hiểm	114.812.818	49.256.001
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	45.080.174	79.947.317
- Các khoản khác	-	22.898.609
<b>b. Dài hạn</b>	<b>276.190.307</b>	<b>196.432.043</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	56.228.419	17.523.486
- Chi phí sửa chữa tài sản	114.869.750	144.941.990
- Các khoản khác	105.092.138	33.966.568
<b>Cộng</b>	<b>436.083.299</b>	<b>348.533.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>5.535.302.100</b>	<b>5.535.302.100</b>	<b>71.803.876.007</b>	<b>67.118.926.207</b>	<b>10.220.251.900</b>	<b>10.220.251.900</b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>5.515.700.000</i>	<i>5.515.700.000</i>	<i>71.688.226.207</i>	<i>67.003.926.207</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>10.200.000.000</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	5.515.700.000	5.515.700.000	71.688.226.207	67.003.926.207	10.200.000.000	10.200.000.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>19.602.100</i>	<i>19.602.100</i>	<i>115.649.800</i>	<i>115.000.000</i>	<i>20.251.900</i>	<i>20.251.900</i>
+ Ông Trương Công Thành	-	-	115.000.000	115.000.000	-	-
+ Ông Trần Phú Nhâm (**)	19.602.100	19.602.100	649.800	-	20.251.900	20.251.900
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.535.302.100</b>	<b>5.535.302.100</b>	<b>71.803.876.007</b>	<b>67.118.926.207</b>	<b>10.220.251.900</b>	<b>10.220.251.900</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay:

(\*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV2-201900983 ngày 16/9/2019, thời hạn cấp tín dụng đến 16/9/2020; hạn mức là 30.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh kỳ tài chính 2019-2020. Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất vay trong năm là 5,5%-7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ công trình xây dựng trung tâm thương mại 25 Lê Lợi - Thanh Hóa và một số máy móc, thiết bị khác theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3500/HS/069/2018/HĐBĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018.

(\*\*) Khoản vay cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay trong năm là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÁ**Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>18.346.273.428</b>	<b>18.346.273.428</b>	<b>21.567.419.350</b>	<b>21.567.419.350</b>
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	5.692.121.973	5.692.121.973	1.609.693.936	1.609.693.936
- Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	6.401.248.922	6.401.248.922	11.203.438.231	11.203.438.231
- Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	611.044.410	611.044.410	1.518.432.103	1.518.432.103
- Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy	944.705.000	944.705.000	3.720.576.742	3.720.576.742
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	4.697.153.123	4.697.153.123	3.515.278.338	3.515.278.338
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.346.273.428</b>	<b>18.346.273.428</b>	<b>21.567.419.350</b>	<b>21.567.419.350</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	218.434.674	482.212.983	219.086.168	-	481.561.489
- Thuế thu nhập cá nhân	-	60.711.953	160.041.469	76.785.669	-	143.967.753
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	961.838.961	-	-	961.838.961
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	7.778.892	7.778.892	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>279.146.627</b>	<b>2.390.196.412</b>	<b>1.081.974.836</b>	-	<b>1.587.368.203</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>325.857.757</b>	<b>476.227.607</b>
- Kinh phí công đoàn	440.888	1.873.553
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.448.133	15.448.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	267.946.925	215.026.925
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.500.000	243.878.996
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>325.857.757</b>	<b>476.227.607</b>

**14. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	<b>13.636.364</b>
- Doanh thu cho thuê tài sản	-	13.636.364
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>13.636.364</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>(2.162.020.000)</b>	<b>6.088.394.010</b>	<b>7.017.541.516</b>	<b>40.943.915.526</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	3.125.541.988	3.125.541.988
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.200.000.000	(7.017.541.516)	(5.817.541.516)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>(2.162.020.000)</b>	<b>7.288.394.010</b>	<b>3.125.541.988</b>	<b>38.251.915.998</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	1.928.073.039	1.928.073.039
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	312.554.000	(3.125.541.988)	(2.812.987.988)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>(2.162.020.000)</b>	<b>7.600.948.010</b>	<b>1.928.073.039</b>	<b>37.367.001.049</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Số tiền</b>
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	312.554.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	50.477.988
Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	62.510.000
Trích cổ tức chi trả	2.700.000.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>3.125.541.988</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
+ Ông Trương Vạn Thành	2.863.000.000	9,54	2.863.000.000	9,54
+ Ông Nguyễn Thanh Hải	2.250.000.000	7,50	2.250.000.000	7,50
+ Ông Lê Văn Tường	2.100.000.000	7,00	2.100.000.000	7,00
+ Bà Chu Thị Hòa	2.000.000.000	6,67	2.000.000.000	6,67
+ Các đối tượng khác	20.787.000.000	69,29	20.787.000.000	69,29
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.700.000.000	5.400.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000	300.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.600.948.010	7.288.394.010
<b>Cộng</b>	<b>7.600.948.010</b>	<b>7.288.394.010</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	-	392,32

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nợ khó đòi đã xử lý	987.775.330	987.775.330

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	158.264.572.414	168.752.102.739
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.732.940.727	4.376.176.355
<b>Cộng</b>	<b><u>162.997.513.141</u></b>	<b><u>173.128.279.094</u></b>

Trong đó:

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	167.531.818	-

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
- Hàng bán bị trả lại	-	34.490.910
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>34.490.910</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	152.342.873.137	163.353.293.576
- Chi phí kinh doanh bất động sản	1.214.198.270	1.039.238.144
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.544.680	(28.733.318)
<b>Cộng</b>	<b><u>153.565.616.087</u></b>	<b><u>164.363.798.402</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	137.319.161	111.555.003
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	256.054.539	64.433.000
<b>Cộng</b>	<b><u>393.373.700</u></b>	<b><u>175.988.003</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>
- Lãi tiền vay	372.399.930	418.438.682
<b>Cộng</b>	<b><u>372.399.930</u></b>	<b><u>418.438.682</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	375.454.546	-
- Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	553.232.599	549.739.844
- Hàng khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	73.187.716	1.131.610.276
- Các khoản khác	74.428.517	12.293.822
<b>Cộng</b>	<b>1.076.303.378</b>	<b>1.693.643.942</b>
07. Chi phí khác	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Tiền điện, nước	550.119.797	549.739.844
- Các khoản bị phạt	778.892	200.041
- Chi phí khác	3.552.097	74.185.528
<b>Cộng</b>	<b>554.450.786</b>	<b>624.125.413</b>
08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>1.792.423.077</i>	<i>1.987.989.162</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.168.640.510	1.111.937.270
- Chi phí vật liệu quản lý	-	27.585.837
- Chi phí đồ dùng văn phòng	47.601.825	13.475.937
- Chi phí khấu hao TSCĐ	51.547.348	-
- Thuế, phí và lệ phí	59.025.610	96.389.565
- Chi phí dự phòng	(140.824.400)	(4.149.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.385.953	246.924.124
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	531.046.231	495.825.429
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>5.772.014.317</i>	<i>5.662.201.558</i>
- Chi phí nhân viên	3.094.355.339	3.061.895.740
- Chi phí vật liệu, bao bì	343.554.164	388.843.789
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	88.290.240	118.794.943
- Chi phí khấu hao TSCĐ	882.493.141	684.921.192
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	571.611.566	666.144.248
- Các khoản chi phí bán hàng khác	791.709.867	741.601.646
<b>Cộng</b>	<b>7.564.437.394</b>	<b>7.650.190.720</b>
09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	482.212.983	381.413.391
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>482.212.983</b>	<b>381.413.391</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**(\*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.410.286.022	1.906.866.912
Các khoản điều chỉnh tăng	778.892	200.041
<i>Phạt vi phạm, chậm nộp</i>	778.892	200.041
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.411.064.914	1.907.066.953
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>482.212.983</b>	<b>381.413.391</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.928.073.039	1.525.453.521
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.928.073.039	1.525.453.521
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	135.000.000	112.987.988
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>664</b>	<b>523</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2020 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.928.073.039	1.525.453.521
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.928.073.039	1.525.453.521
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	135.000.000	112.987.988
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>664</b>	<b>523</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2020 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	4.262.995.849	4.173.833.010
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.238.425.409	989.306.112
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	646.997.519	913.068.372
- Chi phí khác bằng tiền	2.771.041.287	2.617.370.370
- Chi phí dự phòng	(140.824.400)	(4.149.000)
<b>Cộng</b>	<b>8.778.635.664</b>	<b>8.689.428.864</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
<b>Ông Trương Xuân Thiên - Con ruột ông Trương Vạn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>		
Thanh lý TSCĐ	363.636.364	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
Tiền lương	574.955.716	653.005.296
Phụ cấp	276.000.000	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>850.955.716</b>	<b>863.005.296</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La

Ông Lê Mạnh Chiến - Thành viên HĐQT là  
Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
<b>Bán hàng hóa</b>	<b>167.531.818</b>	-
Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La	167.531.818	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>171.225.000</b>	-
Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La	171.225.000	-

**03. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh hàng hóa;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản: cho thuê mặt bằng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Năm nay	Đơn vị tính: VND		
	Thương mại	Kinh doanh BĐS	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	158.264.572.414	4.732.940.727	162.997.513.141
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	156.809.663.256	4.299.416.455	161.109.079.711
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.454.909.158	433.524.272	1.888.433.430
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.574.663.104	-	2.574.663.104
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.001.246.965	304.384.920	1.305.631.885
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.602.286.855	12.512.478.055	64.114.764.910
- Tài sản không phân bổ			5.562.682.177
<b>Tổng tài sản</b>	<b>51.602.286.855</b>	<b>12.512.478.055</b>	<b>69.677.447.087</b>
- Nợ phải trả bộ phận	31.510.229.757	8.834.889	31.519.064.646
- Nợ phải trả không phân bổ			791.381.392
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>31.510.229.757</b>	<b>8.834.889</b>	<b>32.310.446.038</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<b>Thương mại</b>	<b>Kinh doanh BDS</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ trước</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	168.717.611.829	4.376.176.355	173.093.788.184
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	168.000.522.118	4.255.917.683	172.256.439.801
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	717.089.711	120.258.672	837.348.383
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.726.458.933	-	1.726.458.933
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.110.163.192	304.384.920	1.414.548.112
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	59.971.972.589	12.799.313.768	72.771.286.357
- Tài sản không phân bổ			8.951.405.086
<b>Tổng tài sản</b>	<b>59.971.972.589</b>	<b>12.799.313.768</b>	<b>81.722.691.443</b>
- Nợ phải trả bộ phận	43.452.411.676	856.748.832	44.309.160.508
- Nợ phải trả không phân bổ			761.703.404
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>43.452.411.676</b>	<b>856.748.832</b>	<b>45.070.863.912</b>

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.562.682.177	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.933.484.883	(914.560.488)	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>12.496.167.060</b>	<b>(914.560.488)</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	18.346.273.428	21.567.419.350	(*)	(*)
Vay và nợ	10.220.251.900	5.535.302.100	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác (Trình bày lại)	323.895.058	474.354.054	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>28.890.420.386</b>	<b>27.577.075.504</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	18.346.273.428	-	-	18.346.273.428
Vay và nợ	10.220.251.900	-	-	10.220.251.900
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	323.895.058	-	-	323.895.058
<b>Cộng</b>	<b>28.890.420.386</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.890.420.386</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	21.567.419.350	-	-	21.567.419.350
Vay và nợ	5.535.302.100	-	-	5.535.302.100
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác (Trình bày lại)	474.354.054	-	-	474.354.054
<b>Cộng</b>	<b>27.577.075.504</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.577.075.504</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	538	523
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	538	523

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải